

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số...2451.../QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 12 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

<b>Chương trình đào tạo:</b>	<b>Tài chính – Ngân hàng thương mại (Finance - Commercial Bank)</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>
<b>Định hướng:</b>	<b>Ứng dụng</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Tài chính – Ngân hàng</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>7340201</b>
<b>Chuyên ngành đào tạo:</b>	<b>Tài chính – Ngân hàng thương mại</b>
<b>Ngôn ngữ đào tạo:</b>	<b>Tiếng Việt</b>

**1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

- Chương trình đào tạo (CTĐT) Đại học Tài chính – Ngân hàng thương mại rà soát gần đây theo Quyết định số 142/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc sửa đổi, bổ sung chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2023.

- Lần sửa đổi, bổ sung này, chương trình đã có những cập nhật cải tiến so với chương trình đào tạo hiện hành như sau:

1.1. Đã rà soát và chỉnh sửa diễn đạt mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT đảm bảo rõ ràng, hướng đến thực thi sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị cốt lõi của trường; phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động và tương thích với chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT.

1.2. Đã rà soát, chỉnh sửa, biên tập lại các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm; đảm bảo các CĐR rõ ràng và thiết thực, có thể đo lường và đánh giá được; nhất quán với các mục tiêu của CTĐT; đảm bảo tính liên thông với chuẩn đầu vào của CTĐT trình độ thạc sĩ của ngành Tài chính ngân hàng; được cụ thể hóa một cách đầy đủ, rõ nét và được thực hiện một cách có hệ thống qua liên kết giữa các học phần và các thành phần của CTĐT; với tổng số 12 CĐR chuyên tài được các quy định về CĐR trình độ Đại học (bậc 6) theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

1.3. Các CTĐT, CĐR đã tham khảo đảm bảo tương thích với ngành đào tạo, được kiểm định và có link dẫn nguồn, ngày truy cập khi tham khảo.

1.4. Ma trận tích hợp CĐR của các học phần trong CTĐT đã được rà soát, biên tập trên cơ sở các CĐR và đề cương các học phần trong CTĐT đã chỉnh sửa, bổ sung; đảm bảo các học phần có đóng



góp hợp lý vào CDR của CTĐT.

1.5. Thay thế một số học phần trong CTĐT phiên bản 2023 bằng học phần phù hợp hơn; cụ thể:

- Thay thế học phần “Tin học quản lý” bằng học phần “Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản” trong hộp 1.1.1 nhằm tăng cường kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho người học ngay từ giai đoạn đầu của CTĐT, phù hợp với mục tiêu đào tạo.

- Thay thế học phần “Xã hội học đại cương” bằng học phần “Chuyển đổi số trong kinh doanh” trong hộp 1.1.2 nhằm tăng cường cho người học khả năng thích nghi với yêu cầu chuyển đổi số ngay từ giai đoạn đầu của CTĐT, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường.

- Thay thế học phần “Quản trị học” bằng học phần “Quản trị đổi mới sáng tạo”, thay thế học phần “Kinh tế doanh nghiệp” bằng học phần “Truyền thông kinh doanh” trong hộp 2.1.2 nhằm tăng cường kiến thức quản trị, quản lý, kinh doanh trong bối cảnh đổi mới sáng tạo và tiếp cận truyền thông tăng cường trải nghiệm khách hàng của các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ tài chính.

- Bổ sung học phần “Các phương pháp và mô hình phân tích dự báo kinh tế xã hội” trong hộp 2.1.2, nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về phân tích dự báo kinh tế, rèn luyện kỹ năng phân tích dự báo những vấn đề chuyên sâu thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng trong hộp tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (thay vào vị trí học phần “Chuyển đổi số trong kinh doanh” đã chuyển lên hộp 1.1.2).

- Bổ sung học phần “Ngân hàng số” trong hộp 2.3.2 để thay thế cho học phần “Quản trị Tác nghiệp TMQT” thuộc khối kiến thức bổ trợ nhằm tăng cường kiến thức dịch vụ và quản trị ngân hàng hiện đại theo mô hình ngân hàng số.

## **2. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

- Mục tiêu chung: Mục tiêu của chương trình đào tạo cử nhân Tài chính Ngân hàng thương mại theo định hướng ứng dụng; Sinh viên sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có năng lực khởi nghiệp, điều hành hoạt động kinh doanh, phát triển hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng; Đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng, có khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, có tinh thần chia sẻ tri thức cho mục tiêu phát triển bản thân và trách nhiệm với tổ chức trong lĩnh vực tài chính ngân hàng hiện đại.

- Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, sức khỏe tốt; có năng lực học tập suốt đời.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có kiến thức chuyên môn, tích lũy đủ kiến thức cho các chương trình đào tạo nghề nghiệp CFA, FRM.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có năng lực quản trị, quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, phát triển hoạt động kinh doanh tại các định chế tài chính; có năng lực quản lý tài chính và vận hành tại



doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực Tài chính- Ngân hàng; đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng, có khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có năng tự học, tự nghiên cứu, có tinh thần chia sẻ tri thức cho mục tiêu phát triển bản thân và trách nhiệm với tổ chức trong lĩnh vực tài chính ngân hàng hiện đại.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và chịu trách nhiệm trong hoạt động chuyên môn.

### 3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

PLO	Mã PLOs	Mô tả
Kiến thức	PLO1	Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.
	PLO2	Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý và quản trị có liên quan.
	PLO3	Phân tích được những vấn đề thuộc khối kiến thức chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng, đề xuất quan điểm giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng.
Kỹ năng	PLO4	Thực hiện được việc nhận dạng, phân tích và đánh giá các vấn đề thực tiễn hoạt động tại doanh nghiệp, các định chế tài chính và các cơ quan nhà nước về tài chính ngân hàng, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức công, tổ chức phi lợi nhuận.
	PLO5	Thực hiện được các hoạt động tác nghiệp trong xây dựng, triển khai các kế hoạch, thực hiện quy trình tác nghiệp tại định chế tài chính, tác nghiệp quản lý tài chính tại doanh nghiệp và các đơn vị trong lĩnh vực tài chính công.
	PLO6	Truyền đạt, dẫn dắt, phản biện trong thảo luận, giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng.
	PLO7	Tự học, cập nhật và ứng dụng kiến thức mới trong giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng.
	PLO8	Đáp ứng các yêu cầu làm việc độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân trong điều kiện môi trường thay đổi.



PLO	Mã PLOs	Mô tả
Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	PLO9	Đáp ứng các yêu cầu làm việc nhóm; chủ động hướng dẫn, phối hợp, giám sát người khác thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
	PLO10	Đáp ứng các yêu cầu tự định hướng; chủ động, tích cực đưa ra quan điểm, ý kiến chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
Ngoại ngữ, tin học	PLO11	Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.
	PLO12	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

**4. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

#### 5. Đối tượng tuyển sinh

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

##### 6.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

**Bước 1.** Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

**Bước 2.** Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trưởng Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;



- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

**Bước 3.** Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

**Bước 4.** Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

**Bước 5.** Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

## 6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất

## 7. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

## 8. Nội dung chương trình đào tạo

### 8.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã học phần	Số TC	Cấu trúc
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		40 TC	



<b>1.1.</b>	<b>Giáo dục đại cương</b>		<b>29 TC</b>	
<b>1.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>27 TC</b>	
1	Triết học Mác - Lê Nin	MLNP0221	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HCM10121	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM10111	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	RLCP1211	2	24,12
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HCM10131	2	21,18
6	Pháp luật đại cương	TLAW0111	2	24,12
7	Tiếng Anh 1	ENTH1411	2	24,12
8	Tiếng Anh 2	ENTH1511	2	24,12
9	Tiếng Anh 3	ENTH1611	2	24,12
10	Toán đại cương	AMAT1011	3	36,18
11	Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản	INFO3511	3	36,18
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SCRE0111	2	24,12
<b>1.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 2TC trong các học phần sau)</b>		<b>2</b>	
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	RLCP0221	2	24,12
2	Chuyên đổi số trong kinh doanh	PCOM1111	2	24,12
<b>1.2</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>		<b>3</b>	
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>1</b>	
	Giáo dục thể chất chung	GDTC1611		12,18
<b>1.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>2</b>	
	<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>			
1	Bóng ném	GDTC0721	1	12,18
2	Bóng chuyên	GDTC0621	1	12,18
3	Cầu lông	GDTC0521	1	12,18
4	Bóng bàn	GDTC1621	1	12,18
5	Cờ vua	GDTC1721	1	12,18
6	Bóng rổ	GDTC0821	1	12,18
<b>1.3</b>	<b>Giáo dục quốc phòng – an ninh</b>		<b>8</b>	
<b>2</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>		<b>91 TC</b>	
<b>2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>29 TC</b>	
<b>2.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>16 TC</b>	



1	Kinh tế vi mô 1	MIEC0111	3	36,18
2	Kinh tế vĩ mô 1	MAEC0111	3	36,18
3	Nhập môn tài chính tiền tệ	EFIN2811	3	36,18
4	Kinh tế lượng	AMAT0411	3	36,18
5	Tiếng Anh thương mại 1	ENTI3311	2	24,12
6	Tiếng Anh thương mại 2	ENTI3411	2	24,12
2.1.2	<i>Các học phần tự chọn (Chọn 13 TC trong các HP sau)</i>		13 TC	
1	Luật kinh tế 2	PLAW0322	3	36,18
2	Nguyên lý thống kê	ANST0211	3	36,18
3	Quản trị đổi mới sáng tạo	SMGM1111	3	36,18
4	Nguyên lý kế toán	ACCP0111	3	36,18
5	Marketing căn bản	BMKT0111	3	36,18
6	Thương mại điện tử căn bản	PCOM0111	3	36,18
7	Kinh tế phát triển	FECO2011	2	24,12
8	Truyền thông kinh doanh	ECIT0211	2	24,12
9	Kinh tế môi trường	FECO1521	2	24,12
10	Các phương pháp và mô hình phân tích dự báo kinh tế xã hội	AMAT0511	2	24,12
2.2	<i>Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)</i>		39 TC	
2.2.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>		27 TC	
1	Quản trị tài chính 1	FMGM0231	3	36,18
2	Quản trị tài chính 2 *	FMGM2521	3	34,12,5
3	Tài chính quốc tế	BKSC0611	3	36,18
4	Thị trường chứng khoán	BKSC2311	3	36,18
5	Quản trị ngân hàng thương mại 1	BKSC2011	3	36,18
6	Quản trị ngân hàng thương mại 2 *	BKSC3121	3	34,12,5
7	Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng	FMGM2711	3	36,18
8	Tài chính công	EFIN3021	3	36,18
9	Định giá tài sản	EFIN3011	3	36,18
2.2.2	<i>Các học phần tự chọn (chọn 12 TC trong các HP sau)</i>		12 TC	
1	Thuế	EFIN3211	3	36,18



2	Kế toán ngân hàng thương mại	BAUD0631	3	36,18
3	Kinh doanh chứng khoán	BKSC2211	3	36,18
4	Bảo hiểm	FMGM2311	3	36,18
5	Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu	BKSC2411	3	36,18
6	Tài chính vi mô	EFIN2921	3	36,18
7	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	FMGM2411	3	36,18
8	Thị trường ngoại hối	BKSC2511	3	36,18
<b>2.3</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>		<b>13 TC</b>	
2.3.1	Các học phần bắt buộc		8 TC	
1	Quản trị chiến lược	SMGM0111	3	36,18
2	Kinh doanh quốc tế	ITOM1311	3	36,18
3	Khởi sự kinh doanh	CEMG4111	2	24,12
2.3.2	Các học phần tự chọn (chọn 5TC trong các HP sau)		5 TC	
1	Thanh toán điện tử	PCOM0411	3	36,18
2	Ngân hàng số	BKSC3311	3	36,18
7	Quản trị kênh phân phối	BLOG2111	2	24,12
8	Tài chính khởi nghiệp	FMGM2611	2	24,12
<b>2.4</b>	<b>Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học</b>		<b>10 TC</b>	
2.4.1	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	REPH1211	3	0,90
2.4.2	Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	LVVH1511	7	0, 210

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh. Trong 120 TC học tập và tốt nghiệp có 88 tín chỉ bắt buộc và 32 tín chỉ tự chọn. Các học phần có dấu \* có tổ chức báo cáo thực tế.

## 8.2. Mô tả các học phần (có phụ lục kèm theo)


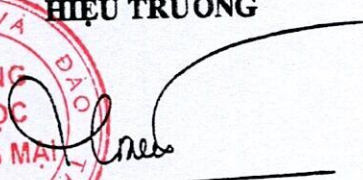
### 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

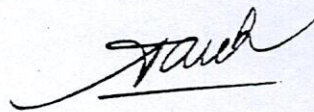
TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khối kiến thức GDĐC	10 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>13 TC</b>
2	KỲ II	Khối kiến thức GDĐC	08 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	06 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>15 TC</b>



TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
3	KỠ HỀ NĂM NHẬT	Giáo dục quốc phòng – an ninh	08 TC
4	KỠ III	Khối kiến thức GDĐC	04 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	12 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>17 TC</b>
5	KỠ IV	Khối kiến thức GDĐC	07 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	04 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	06 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>17 TC</b>
6	KỠ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	14 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>17 TC</b>
7	KỠ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	06 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	09 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>17 TC</b>
8	KỠ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	13 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	04 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>17 TC</b>
9	KỠ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10TC
10	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>131TC</b>

*Lưu ý:* Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
  
**PGS, TS Nguyễn Hoàng**

**TRƯỞNG KHOA**  
  
**PGS, TS Phạm Tuấn Anh**



Phụ lục 8.2. Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Số TC	Cấu trúc	Mô tả học phần
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	40 TC		
1.1.	Giáo dục đại cương	29 TC		
1.1.1	Các học phần bắt buộc	27 TC		
1	Triết học Mác - Lê Nin	3	36,18	Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24,12	Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của



	<p>Đảng và Nhà nước ta.</p> <p>- Tiếng Việt: Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.</p>
<p>3</p> <p>Tư tưởng Hồ Chí Minh</p>	<p>2</p> <p>24,12</p>
<p>4</p> <p>Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin</p>	<p>2</p> <p>24,12</p> <p>Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.</p>
<p>5</p> <p>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p>	<p>2</p> <p>24,12 (21,18)</p> <p>Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975);</p>



				Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.
6	Pháp luật đại cương	2	24,12	Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của chuyên ngành Luật kinh tế và Luật Thương mại quốc tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm: Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.
7	Tiếng Anh 1	2	24,12	Học phần “Tiếng Anh 1” gồm 4 bài đầu của giáo trình “Life (A2-B1)” của John Hugues, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2 nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau.



				<p>Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phân biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.</p>
8	Tiếng Anh 2	2	24,12	<p>Học phần “Tiếng Anh 2” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2 nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phân biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.</p>
9	Tiếng Anh 3	2	24,12	<p>Học phần “Tiếng Anh 3” được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.</p>
10	Toán đại cương	3	36,18	<p>Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, vector, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến số và hàm nhiều biến số. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và Thống kê toán: biến cố và xác suất của biến cố, một số quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên,</p>



					ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết thống kê về tham số của đại lượng ngẫu nhiên.
11	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (Information Technology Foundation)	3	36,18		Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên tất cả các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần đề đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương Mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24,12		Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.
<b>1.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 2TC trong các học phần sau)</b>	<b>2</b>			
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	24,12		Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường; từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến



				<p>nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường.</li> <li>+ Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta.</li> <li>+ Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế.</li> <li>+ Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.</li> </ul>
2	Chuyển đổi số trong kinh doanh	2	24,12	<p>Là học phần thuộc bộ phận kiến thức cơ sở ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản lý. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của GDTC1611chuyển đổi số trong kinh doanh.</p>
1.2	<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>3</b>		
1.2.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>1</b>		
	Giáo dục thể chất chung			



1.2.2	Các học phần tự chọn	2		
	Chọn 2 TC trong các HP sau:			
1	Bóng ném	1		
2	Bóng chuyền	1		
3	Cầu long	1		
4	Bóng bàn	1		
5	Cờ vua	1		
6	Bóng rổ	1		
1.3	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8		
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	91 TC		
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	29 TC		
2.1.1	Các học phần bắt buộc	16 TC		
1	Kinh tế vi mô 1	3	36,18	Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học



<p>phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.</p>				
<p>Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phân khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD - AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.</p>	36,18	3	Kinh tế vĩ mô 1	2
<p>Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.</p>	36,18	3	Nhập môn tài chính tiền tệ	3
<p>Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự</p>	36,18	3	Kinh tế lượng	4



				<p>báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.</p>
5	Tiếng Anh thương mại 1	2	24,12	<p>Học phần “Tiếng Anh 1” gồm 4 bài đầu của giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2 nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phân biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.</p>
6	Tiếng Anh thương mại 2	2	24,12	<p>Học phần “Tiếng Anh 2” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2 nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phân biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.</p>



2.1.2	Các học phần tự chọn (Chọn 13 TC trong các HP sau)	13 TC		
1	Luật kinh tế 2	3	36,18	<p>Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về việc thực hiện các hoạt động thương mại. Cụ thể, học phần nghiên cứu khung pháp lý chung điều chỉnh các hoạt động thương mại phổ biến như mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ... và một số hoạt động thương mại đặc thù như nhượng quyền thương mại, gia công hàng hóa, đấu thầu, đấu giá; các chế tài được áp dụng khi một bên có hành vi vi phạm; các phương thức giải quyết tranh chấp giữa các bên trong kinh doanh thương mại. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là cơ sở cho việc tiếp cận những học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành khác.</p>
2	Nguyên lý thống kê	3	36,18	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý thông tin; phương pháp tính toán các chỉ tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội, phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê</p>
3	Quản trị đổi mới sáng tạo	3	36,18	<p>Học phần Quản trị đổi mới sáng tạo gồm 5 Chương. Chương 1 đưa ra các kiến thức tổng quan về Quản trị đổi mới sáng tạo bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, phân loại đổi mới sáng tạo và quy trình đổi mới sáng tạo. Chương 2 giới thiệu nội dung đầu tiên trong quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là phân tích môi trường và tìm kiếm cơ hội và nguồn cho đổi mới sáng tạo. Chương 3 tập trung vào nội dung thứ 2 của quy trình đổi mới sáng tạo đó là lựa chọn định hướng đổi mới sáng tạo, Chương 4 là nội dung thứ 3 của quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là triển khai. Và cuối cùng chương 5 cung</p>



				cấp kiến thức về nội dung và các tiêu chí đánh giá hiệu suất quản trị đối mới sáng tạo.
4	Nguyên lý kế toán	3	36,18	Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán và vận dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.
5	Marketing căn bản	3	36,18	Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh và marketing. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing-mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và truyền thông phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.
6	Thương mại điện tử căn bản	3	36,18	Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật



7	Kinh tế phát triển	2	24,12	<p>và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.</p> <p>Học phân giới thiệu lý thuyết cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển. Bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế, những vấn đề phát triển kinh tế được đặt ra với các nước đang phát triển. Tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quan hệ giữa tăng trưởng và phúc lợi con người. Các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế: lao động, vốn, công nghệ kỹ thuật. Các chính sách phát triển kinh tế: chính sách phát triển nông thôn, chính sách công nghiệp hoá và sự vận dụng vào đường lối phát triển kinh tế của Việt nam.</p>
8	Truyền thông kinh doanh	2	24,12	<p>Học phân thuộc khối kiến thức ngành cung cấp kiến thức tổng quan về truyền thông kinh doanh. Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về truyền thông kinh doanh, các nguyên tắc truyền thông và tầm quan trọng của truyền thông... Học phần cũng giúp sinh viên phân biệt các loại hình truyền thông khác nhau, từ đó sinh viên có thể lựa chọn loại hình truyền thông phù hợp trong từng hoàn cảnh cụ thể. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị các kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể thực hiện được các dự án truyền thông cho các tổ chức, doanh nghiệp hoặc bản thân mình.</p>
9	Kinh tế môi trường	2	24,12	<p>Học phân cung cấp những kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh</p>



				<p>việc như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.</p>
10	Các phương pháp và mô hình phân tích dự báo kinh tế xã hội	2	24,12	<p>Phương pháp dự báo dựa trên mô hình hồi quy nhiều biến (dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt), các kỹ thuật phân tích và dự báo trên chuỗi thời gian (các kỹ thuật san, phương pháp Box-Jenkins).</p>
2.2	<i>Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)</i>	39 TC		
2.2.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>	27 TC		
1	Quản trị tài chính 1	3	36,18	<p>Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.</p>
2	Quản trị tài chính 2 (BCTT) *	3	34,12,5	<p>Nội dung của học phần Quản trị tài chính 2 bao gồm các chủ đề chính: Định giá trong quản trị tài chính; Rủi ro và lợi nhuận; Phân tích dòng vốn và lập kế hoạch tài chính; Đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính; Quyết định cấu trúc vốn; Chính sách cổ tức và Quản trị tài chính trong một số bối cảnh đặc biệt.</p>
3	Tài chính quốc tế	3	36,18	<p>Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế, các định chế tài chính quốc tế, các giao dịch trên thị trường ngoại hối và chính sách điều hành tỉ giá hối đoái, các hoạt động thanh toán, đầu tư, tín dụng và hỗ trợ phát triển chính thức, liên minh thuế quan giữa các quốc gia và cân cán thanh toán quốc tế</p>



4	Thị trường chứng khoán	3	36,18	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK.
5	Quản trị ngân hàng thương mại 1	3	36,18	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị vốn chủ sở hữu, vốn tiền gửi và vốn phi tiền gửi; quản trị kết hợp tài sản - nợ và khả năng thanh toán; quản trị hoạt động cho vay và quản trị dịch vụ thanh toán của NHHTM.
6	Quản trị ngân hàng thương mại 2 (BCTT) *	3	34,12,5	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị cho thuê và đầu tư tài chính; quản trị kinh doanh ngoại hối, bảo lãnh, tư vấn, ủy thác; quản trị rủi ro; định giá dịch vụ ngân hàng và phân tích, đánh giá và xếp hạng NHHTM.
7	Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng	3	36,18	Nội dung của học phần Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về các tổ chức tài chính phi ngân hàng; Quản trị huy động vốn; Quản trị sử dụng vốn; Phân tích kết quả tài chính và Quản trị rủi ro của các tổ chức tài chính phi ngân hàng.
8	Tài chính công	3	36,18	Học phần giới thiệu các vấn đề cơ bản về hoạt động tài chính ở khu vực công với các nội dung chủ yếu như: các đặc trưng cơ bản và kết cấu tài chính công, chức năng, vai trò và nguyên tắc hoạt động của tài chính công; quản lý tài chính công; chính sách tài chính công; về thu nhập công và chi tiêu công; tổ chức hoạt động của hệ thống Ngân sách nhà nước, tín dụng Nhà nước; nợ công; hoạt động của các quỹ tài chính công ngoài Ngân sách Nhà nước.
9	Định giá tài sản	3	36,18	Học phần đề cập đến các vấn đề chung về định giá tài sản trong nền kinh tế thị trường trên các khía cạnh khái niệm định giá tài sản, đối tượng của định giá tài sản, các nguyên tắc và quy trình chung trong định giá tài sản. Trên cơ sở đó, học phần đề cập đến các nội dung ứng dụng các nguyên tắc và sử dụng các phương pháp cụ thể để định giá bất động sản, định giá máy móc thiết bị, định



					giá tài sản vô hình và xác định giá trị doanh nghiệp
2.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 12 TC trong các HP sau)	12 TC			
1	Thuế	3	36,18		Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về thuế như khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế, các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế, hệ thống thuế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, học phần đề cập các nội dung cơ bản của các sắc thuế thông dụng hiện hành của Việt Nam như: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu các nội dung cơ bản của các loại thuế khác.
2	Kế toán ngân hàng thương mại	3	36,18		Học phần Kế toán ngân hàng thương mại thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về: Các đặc điểm hoạt động của ngân hàng thương mại ảnh hưởng đến công tác kế toán; nội dung tổ chức công tác kế toán; nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh doanh cơ bản như: huy động vốn, tín dụng, kinh doanh ngoại tệ, thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán vốn giữa các ngân hàng thương mại, kế toán các khoản thu, chi và xác định kết quả kinh doanh của ngân hàng thương mại.
3	Kinh doanh chứng khoán	3	36,18		Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh chứng khoán, doanh lợi và rủi ro trong đầu tư chứng khoán, phân tích và định giá chứng khoán, các hoạt động môi giới, tự doanh, bảo lãnh phát hành, tư vấn và quản lý danh mục đầu tư của các công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ đầu tư.
4	Bảo hiểm	3	36,18		Nội dung của học phần Bảo hiểm bao gồm các chủ đề nghiên cứu chính: Tổng quan về bảo hiểm; Bảo hiểm an sinh xã hội; Bảo hiểm thương mại; Bảo hiểm



				con người; Bảo hiểm hàng hóa và bảo hiểm hỏa hoạn; Bảo hiểm vật chất phương tiện vận tải; Bảo hiểm trách nhiệm.
5	Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu	3	36,18	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu bao gồm: phương tiện thanh toán quốc tế và điều kiện thanh toán quốc tế, phương thức thanh toán quốc tế và các hình thức tài trợ xuất nhập khẩu.
6	Tài chính vi mô	3	36,18	Học phần trình bày khái quát về sự hình thành, phát triển cũng như những đặc trưng, vai trò của hoạt động tài chính vi mô, giới thiệu về tổ chức tài chính vi mô với những nội dung cụ thể về mô hình tổ chức, chức năng và các hoạt động của tổ chức tài chính vi mô như: hoạt động cho vay, hoạt động huy động vốn, hoạt động bảo hiểm... Mặt khác, học phần cũng cung cấp các kiến thức về các nguyên lý và kỹ thuật trong phân tích, đánh giá giá kết quả hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.
7	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	36,18	Nội dung của học phần Quản trị tài chính công ty đa quốc gia bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính công ty đa quốc gia; Quản trị rủi ro hối đoái; Quản trị tài sản ngắn hạn; Quản trị tài trợ ngắn hạn; Quyết định đầu tư trực tiếp nước ngoài; Chi phí vốn và kết cấu vốn của công ty đa quốc gia; Quản trị tài trợ dài hạn; Môi trường thuế quốc tế và tác động tới chính sách của công ty đa quốc gia.
8	Thị trường ngoại hối	3	36,18	Học phần giới thiệu kiến thức về thị trường ngoại hối và kinh doanh ngoại hối: tổ chức hoạt động giao dịch của thị trường ngoại hối, nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối, phân tích kinh doanh ngoại hối, thu nhập và rủi ro trong kinh doanh ngoại hối..
2.3	<b>Kiến thức bổ trợ</b>	<b>13 TC</b>		



2.3.1	Các học phần bắt buộc	8 TC		
1	Quản trị chiến lược	3	36,18	<p>Học phần Quản trị chiến lược (BCTT) được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.</p>
2	Kinh doanh quốc tế	3	36,18	<p>Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.</p>



3	Khởi sự kinh doanh	2	24,12	<p>Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức, kỹ năng về khởi sự kinh doanh xã hội. Cụ thể, học phần khởi sự kinh doanh xã hội bao gồm các nội dung chính gồm: khái quát về khởi sự kinh doanh xã hội; quá trình khởi sự kinh doanh xã hội từ việc xây dựng, đánh giá ý tưởng đến vận dụng mô hình khởi sự kinh doanh xã hội, huy động nguồn lực cho khởi sự kinh doanh xã hội, bối cảnh khởi sự kinh doanh xã hội và những thách thức khi khởi sự kinh doanh xã hội.</p>
2.3.2	Các học phần tự chọn (chọn 5TC trong các HP sau)	5 TC		
1	Thanh toán điện tử	3	36,18	<p>Học phần Thanh toán điện tử là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên sâu của Ngân hàng Thương mại điện tử (TMĐT) và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu cho sinh viên Quản trị TMĐT về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi chi tiết vào các hình thức thanh toán trên Internet, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về Thanh toán điện tử (Lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác, cách thức phân chia các loại hình thanh toán điện tử); Trình bày các loại hình thanh toán chủ yếu trên Internet bao gồm từ thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (ví thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử; Phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán trong TMĐT</p>
2	Ngân hàng số	3	36,18	<p>Học phần ngân hàng số học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh doanh của Ngân hàng thương mại trong mô hình ngân hàng số; Người học tích lũy kiến thức và thành thạo kỹ năng kinh doanh ; Người học chủ động, tự chủ và có trách nhiệm trong công việc, có khả năng thích ứng với sự</p>



				thay đổi của môi trường làm việc thực tế.
3	Quản trị kênh phân phối	2	24,12 (36,18)	Học phần bao gồm những nội dung: Tổng quan về văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh. Đặc trưng văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Vai trò của văn hóa doanh nhân, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nhân như năng lực, tố chất, đạo đức, phong cách doanh nhân. Vai trò của văn hóa doanh nghiệp, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nghiệp. Phát triển văn hóa kinh doanh, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển văn hóa kinh doanh.
4	Tài chính khởi nghiệp	2	24,12	Học phần Tài chính khởi nghiệp nhằm cung cấp cho người học kiến thức, phương pháp và tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết các vấn đề cơ bản về tài chính khởi nghiệp.
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10 TC		
2.4.1	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	3	0,90	Trong thời gian thực tập chuyên sâu, dưới sự hướng dẫn của giảng viên theo phân công của khoa và sự hướng dẫn của cán bộ thực tế theo sự phân công của đơn vị thực tập (nếu có), sinh viên nghiên cứu, tìm hiểu sâu về các nội dung thực tế tại đơn vị thực tập thuộc đề tài khóa luận đã được phê duyệt, tham gia các hoạt động thực tế của đơn vị thực tập theo sự phân công, thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, viết khóa luận tốt nghiệp theo đề cương được hướng dẫn.
2.4.2	Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	7	0, 210	Sinh viên thực tập chuyên sâu với vị trí chuyên môn kinh doanh sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng hoặc vị trí chuyên môn quản lý tài chính tại đơn vị thực tập. Trên cơ sở trải nghiệm thực tế, kết hợp với kiến thức và kỹ năng đã được cung cấp, sinh viên xây dựng khuôn khổ lý thuyết ứng dụng để làm cơ sở cho



việc giải quyết các vấn đề được đặt ra trong luận văn, thu thập các thông tin (trích dẫn, tổng hợp, khảo sát,...), phân tích các yếu tố môi trường kinh doanh và điều kiện làm việc, đánh giá tình hình kinh doanh sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng hoặc tình hình quản lý tài chính tại đơn vị thực tập, phát hiện các vấn đề (những tồn tại, vướng mắc) cần giải quyết, từ đó đưa ra những khuyến nghị, hàm ý quản trị đối với đơn vị thực tập và những kiến nghị có liên quan để tạo điều kiện thực hiện các khuyến nghị, hàm ý quản trị đã đề xuất với đơn vị thực tập.